TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 3 - 2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1101/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cái Thị Ngọc M, sinh năm 1994. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 16 tháng 10 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Cái Thị Ngọc M trình bày: chị và anh Nguyễn Quốc T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, nên phát sinh gây gổ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn

nhân. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 07/11/2016. Từ khi ly thân đến nay, con do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Anh và chị M phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2016; nguyên nhân là do anh thường xuyên đi đêm không về nên chị M bỏ về bên nhà cha mẹ ruột ở; dù sau đó anh đã cố gắng thuyết phục chị M trở về chung sống nhưng đến nay chị M vẫn không đồng ý quay lại. Nay chị M xin ly hôn, anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ, con, muốn có thêm thời gian để đoàn tụ. Về con chung, quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 07/11/2016. Trong trường hợp ly hôn, anh không có ý kiến về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Cái Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T; anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cái Thị Ngọc M xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2010 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị M cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng phát sinh gây gổ nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết.

Anh T cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 nhưng từ khi sống ly thân đến nay thời gian đã rất lâu, anh T không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị M xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh T nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh chị vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh, anh T cũng không tìm ra được phương hướng đoàn tụ, cho thấy dù đã cố gắng nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị M và anh T thống nhất anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 07/11/2016. Từ khi ly thân đến nay, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung. Đối với anh T, anh không có ý kiến về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Xét thấy, từ khi chị M và anh T ly thân đến nay, chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung, vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Con chung là con gái lại còn nhỏ tuổi cần sự gần gũi, chăm sóc của mẹ hơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị M và anh T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị M và anh T thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cái Thị Ngọc M đối với anh Nguyễn Quốc T về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cái Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Chị Cái Thị Ngọc M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Hà T, sinh ngày 07/11/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Cái Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003982 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hải An